

Bản án số: 417/2023/DS-PT  
Ngày: 23-10-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức

Bà Nguyễn Thị Rên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:** Bà Nguyễn Thị Xa Riêng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2023/TLPT- DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2023/DS – ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3388/2023/QĐ – PT ngày 06 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lưu Thị Mộng V, sinh năm 1990.

Địa chỉ: số nhà A, Khu phố F, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1997 (xin vắng mặt);

- Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 2000 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: số nhà C, đường Đ, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: số nhà B, ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị

M - Công ty L. Địa chỉ: số nhà A, khu dân cư S, đường số C, khu phố M, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: số nhà A, khu phố B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Phạm Quốc V1, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. *Người kháng cáo*: bị đơn Nguyễn Huy H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Lưu Thị Mộng V, quá trình tố tụng người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Huy H có vay của bà số tiền 140.000.000 đồng, mục đích để kinh doanh. Việc vay tiền được lập thành văn bản có tựa đề “giấy mượn tiền” ngày 28/12/2020 do bà viết, ông H có ký tên, ghi họ tên và lăn tay. Hai bên thoả thuận lãi suất là 0,83%/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Bà đã giao đủ tiền cho ông H, đến hạn thanh toán, bà nhiều lần yêu cầu ông H trả nợ nhưng ông chỉ hứa hẹn, không trả nợ gốc cũng không trả tiền lãi.

Bà V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Huy H trả số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn với mức lãi suất 0,83%/tháng là 1.162.000 đồng (01 tháng), tiền lãi trên nợ lãi là 279.693 đồng và tiền lãi quá hạn trên nợ gốc là 50.547.000 đồng (29 tháng). Tổng số tiền bà yêu cầu ông H có nghĩa vụ hoàn trả là 191.988.000 đồng.

*Quá trình tố tụng, bị đơn Nguyễn Huy H và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:*

Khoảng tháng 3/2021 (ông không nhớ thời gian cụ thể), ông có vay của bà Lưu Thị Mộng V số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh, thoả thuận tiền lãi mỗi tháng 4.000.000 đồng. Ông đã trả tiền cho bà V rất nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng. Tuy nhiên, số tiền này không liên quan đến vụ án này nên ông không cung cấp chứng cứ, không yêu cầu xem xét.

Ông xác định không có nợ bà V số tiền 140.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Ông không biết nội dung, không ký tên, không lăn tay vào giấy mượn tiền ngày 28/12/2020 do nguyên đơn cung cấp. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2023/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân

sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Lưu Thị Mộng V. Buộc ông Nguyễn Huy H trả cho bà Lưu Thị Mộng V số tiền là: 191.988.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng khác, án phí, lãi chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/7/2023, bị đơn Nguyễn Huy H kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi vì ông không có vay của bà V số tiền 140.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Huy H, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người này.

[2] Nguyên đơn căn cứ vào giấy viết tay có tựa đề “GIẤY MƯỢN TIỀN” ngày 28/12/2020 cho rằng bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 140.000.000 đồng, đã hết thời hạn vay nhưng bị đơn không trả tiền lãi và tiền nợ gốc nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 191.988.000 đồng, trong đó nợ gốc là 140.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn với mức lãi suất thỏa thuận 0,83%/tháng là 1.162.000 đồng (01 tháng), tiền lãi trên nợ lãi là 279.693 đồng và tiền lãi quá hạn trên nợ gốc là 50.547.000 đồng (29 tháng).

Bị đơn ông H cho rằng ông không có vay của nguyên đơn số tiền 140.000.000 đồng, “GIẤY MƯỢN TIỀN” ngày 28/12/2020 do nguyên đơn cung cấp ông không có ký tên, không lăn tay nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

[3] “GIẤY MƯỢN TIỀN” ngày 28/12/2020 do nguyên đơn cung cấp, có nội dung: “Tôi tên: Nguyễn Huy H ... nay tôi làm giấy này xác nhận có mượn của Lưu Thị Mộng V sinh năm 1990, CMND 321365578. Địa chỉ: A N. An Hội TP . tổng số tiền 140.000.000...”, ông H không thừa nhận ông có ký tên, ghi họ tên, điểm chỉ vào giấy này nhưng căn cứ vào Kết luận giám định số 304/2023/KL-KTHS ngày 15/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh B đã kết luận:

“1. Dấu vân tay mang tên “Nguyễn Huy H” dưới mục “ký tên” trên Giấy mượn tiền đề ngày 28/12/2020 (ký hiệu A) so với dấu vân tay mang tên “Nguyễn Huy H” dưới mục “Bên ủy quyền” trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) là của cùng một người.

2. Chữ ký, chữ viết tên “Nguyễn Huy H” dưới mục “ký tên” trên Giấy mượn tiền đề ngày 28/12/2020 (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết tên “Nguyễn Huy H” dưới mục “Bên ủy quyền” trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) là do cùng một người ký, viết ra.

3. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết điền vào chỗ trống tại các mục có dấu “...” từ dòng thứ 4 đến dòng thứ 17 (tính từ trên xuống) so với chữ ký, chữ viết tên “Nguyễn Huy H” dưới mục “ký tên” trên cùng “Giấy mượn tiền” đề ngày 28/12/2020 (ký hiệu A) có viết cùng thời điểm hay không và chữ nào được viết trước và chữ nào được viết sau”.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất với kết luận giám định nêu trên và không yêu cầu trưng cầu giám định lại. Như vậy, có căn cứ xác định dấu vân tay, chữ ký, chữ viết tên trong “GIẤY MƯỢN TIỀN” ngày 28/12/2020 là của ông H, ông H có vay của nguyên đơn số tiền 140.000.000 đồng.

Bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay, tiền lãi cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi trên nợ lãi chưa trả, tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả với tổng số tiền 191.988.000 đồng là phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Huy H.

Giữ nguyên 68/2023/DS – ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Mộng V đối với bị đơn ông Nguyễn Huy H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Huy H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Lưu Thị Mộng V số tiền 191.988.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về chi phí tố tụng khác là 3.150.000 đồng (ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) ông Nguyễn Huy H phải chịu và đã nộp xong.

[3] Về án phí dân sự:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Huy H phải nộp 9.599.000 đồng (chín triệu năm trăm chín mươi chín nghìn đồng).

H1 lại cho bà Lưu Thị Mộng V số tiền tạm ứng án phí là 5.025.000 đồng (năm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010064 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Huy H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007177 ngày 25/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện thành phố Bến Tre;
- Chi Cục THADS thành phố Bến Tre;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Ngọc Dũng**